

GIẢI MÃ VĂN HÓA NHẬT BẢN QUA MỘT SỐ BIỂU TƯỢNG TRONG *XỨ TUYẾT* CỦA KAWABATA YASUNARI

Nguyễn Thị Thanh Nga

Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức

Tóm tắt. Kawabata là một trong số những nhà văn có đóng góp không nhỏ cho nền văn học nghệ thuật Phù Tang. Thông qua tác phẩm của mình, nhà văn đã phản ánh hiện thực cuộc sống, con người bằng những cách thức độc đáo. Trong đó, việc sử dụng biểu tượng để dẫn dắt mạch cảm xúc của nhân vật cũng như duy trì kết cấu toàn bộ tác phẩm là thủ pháp đặc trưng cho nhiều tác phẩm, đặc biệt với *Xứ tuyết*. Từ cách tiếp cận văn hoá nói chung, giải mã những biểu tượng nói riêng, *geisha*, *kimono*, *gương soi* như là những biểu tượng nghệ thuật có tính liên kết chặt chẽ làm nên nội dung tác phẩm và phản ánh tư tưởng của nhà văn. Từ đó, văn hoá và xã hội Nhật Bản hiện ra thật sinh động, toàn diện; thái độ trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp truyền thống của Kawabata cũng được thể hiện sâu sắc.

Từ khoá: văn hoá Nhật, biểu tượng văn hoá, *Xứ tuyết*, mã văn hoá, Kawabata Yasunari.

1. Mở đầu

Giải thưởng Nobel văn học năm 1968 đã đưa tên tuổi Kawabata đến gần với độc giả thế giới và Việt Nam. Nhiều bài viết, các công trình nghiên cứu lớn nhỏ về tác phẩm của nhà văn trên nhiều phương diện và dưới nhiều góc độ khác nhau đã được công bố. Trong đó, vấn đề giải mã văn hoá Nhật Bản trong tiểu thuyết của nhà văn đặc biệt được quan tâm. Trong phạm vi vấn đề nghiên cứu của đề tài, chúng tôi quan tâm đến một số bài viết trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến vấn đề giải mã văn hoá Nhật Bản thông qua hệ thống biểu tượng trong sáng tác của nhà văn.

Đầu tiên phải kể đến các bài viết, công trình của các tác giả có tên tuổi như Nhật Chiêu: *Thế giới Kawabata Yasunari (hay là cái đẹp: hình và bóng)*, Kawabata người cứu rỗi cái đẹp [1], [2]; Đoàn Lê Giang: *Kawabata – Cái đẹp truyền thống qua lăng kính hiện đại* [3]; Đào Thị Thu Hằng: *Kawabata giữa dòng chảy Đông – Tây* [4]; Nguyễn Thị Mai Liên: *Yasunari Kawabata – “Lữ khách muôn đời đi tìm cái đẹp* [5]. Thông qua bài viết, các tác giả đều cho rằng, Kawabata đã tạo nên thế giới nghệ thuật bằng cái đẹp và đọc Kawabata chúng ta thấy có sự hòa trộn kỳ diệu hai nền văn hoá Đông – Tây. Chính sự kết hợp giữa yếu tố văn hoá truyền thống và hiện đại đã tạo nên thành công trong biểu hiện về đẹp Nhật Bản qua các tác phẩm của nhà văn. Điều này cho thấy, tiếp cận văn hoá là hướng đi đúng đắn trong việc khám phá tác phẩm của nhà văn.

Tiếp đến là những bài viết trực tiếp đề cập đến vấn đề tiếp cận tác phẩm từ mã văn hoá. Nổi bật là bài viết của tác giả Trần Lê Bảo: *Giải mã tác phẩm “Người đẹp say ngủ” của Y. Kawabata (Từ chủ đề cứu thế)*. Tác giả đã căn cứ vào một số khái niệm, chi tiết, hình tượng nghệ thuật mà

Ngày nhận bài: 11/3/2020. Ngày sửa bài: 27/4/2020. Ngày nhận đăng: 10/5/2020.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thanh Nga. Địa chỉ e-mail: nguyenthithanhnga@hdu.edu.vn

cũng là biểu tượng văn hoá có nguồn gốc từ Phật giáo, đặc biệt là biểu tượng “người đẹp say ngủ”, để kết luận: “*Có thể thấy, đằng sau biểu tượng sắc tình và đôi phé, tác phẩm Người đẹp say ngủ còn thể hiện tấm lòng từ bi phổ độ chúng sinh của Phật giáo...*” [6; 62]. Đặc biệt là các bài viết của tác giả Trần Thị Tố Loan: *Cái đẹp truyền thống Nhật Bản trong sáng tác của Y. Kawabata* [7]; *Biểu tượng tiêu biểu trong tiểu thuyết Kawabata* [8], đã khẳng định việc sử dụng biểu tượng như là một thủ pháp nghệ thuật đã giúp nhà văn phác họa thành công những nét văn hóa thâm mỹ của người Nhật. Với những tìm tòi phát hiện trên và dựa trên những cơ sở thực tiễn kết hợp lí luận, những bài nghiên cứu này giúp người đọc phần nào có thể khai thác và giải mã được những ẩn số đầy bí ẩn trong sáng tác của Kawabata Yasunari. Có thể nói, đây là những gợi ý thú vị cho chúng tôi trong việc tiếp cận tác phẩm của Kawabata dưới góc độ văn hóa.

Qua các bài viết, các công trình nghiên cứu chúng tôi nhận thấy các tác giả đã đề cập đến việc khám phá văn hóa Nhật Bản qua các biểu tượng ở những mức độ khác nhau. Đó là những định hướng, gợi mở rất đáng quý cho chúng tôi trong quá trình thực hiện đề tài.

Như vậy, việc tìm hiểu và giải mã văn hóa trong tác phẩm văn học là việc làm cần thiết. Mỗi quốc gia, dân tộc trên thế giới đều có những nét đặc sắc riêng về văn hóa và yếu tố tạo nên sắc diện văn hóa đó chính là các biểu tượng. Biểu tượng luôn tồn tại, ẩn mình và sống mãi với mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng. Do đó, để khám phá ra vẻ đẹp của mỗi dân tộc không gì khác hơn là tìm hiểu về biểu tượng văn hoá. Việc nghiên cứu này sẽ cho thấy được giá trị thâm mỹ và giá trị văn hoá của tác phẩm. Trong đó, biểu tượng là đối tượng nghiên cứu chính nhằm làm sáng tỏ văn hóa và xã hội nước Nhật qua cảm quan nghệ thuật của Kawabata. Vậy nên, việc tiếp cận văn hoá học thông qua biểu tượng để giải mã *Xứ tuyết* là cách làm phù hợp với nguyên tắc khách quan và khoa học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Biểu tượng như là một mã văn hóa trong tác phẩm văn học

Văn học là một bộ phận của văn hóa, chịu chi phối ảnh hưởng trực tiếp từ văn hóa đồng thời là phương diện tồn tại và bảo lưu văn hóa. Tác phẩm văn học như là một chỉnh thể của nghệ thuật ngôn từ tái hiện đời sống tinh thần của các dân tộc, như là một trong những sản phẩm kết tinh cao nhất của văn hóa một tộc người, một đất nước. “Các hình ảnh hiện ra trong tác phẩm văn chương tự nó trở thành các kí hiệu, tín hiệu nghệ thuật để tái hiện con người và cuộc đời một dân tộc” [9; 17]. Mỗi tác phẩm văn học được xây dựng với nhiều mã khác nhau nhằm biểu hiện nội dung và tư tưởng của tác phẩm. Mỗi nhà văn tự lựa chọn cho mình một hay nhiều mã khác nhau để sáng tác. Việc sử dụng biểu tượng như là một thủ pháp nghệ thuật để chuyển tải ý nghĩa sâu xa của tác phẩm là cách làm hiệu quả của nghệ thuật ngôn từ: “Tác phẩm văn học là hệ thống các kí hiệu ngôn từ được đan kết bằng các mã, được tổ chức nhờ sự phối kết của các mã trong đó có mã văn hoá” [10; 45]. Biểu tượng là một dạng thức tồn tại tiêu biểu của mã văn hoá.

Từ biểu tượng nói chung đến biểu tượng trong tác phẩm văn học có sự lựa chọn khác nhau tùy vào dụng ý của nhà văn. Có nhiều cách hiểu khác nhau về biểu tượng. Theo *Từ điển tiếng Việt*, biểu tượng có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất là “hình ảnh tượng trưng”, nghĩa thứ hai là “hình thức của nhận thức, cao hơn cảm giác, cho ta hình ảnh sự vật còn giữ lại trong đầu óc khi tác động của sự vật vào giác quan ta đã chấm dứt” [11; 67]. Thực tế là, từ xa xưa, con người đã sử dụng những vật thể mang tính tượng trưng cho ý niệm nào đó trong đời sống thường ngày hay tôn giáo... Cho nên, biểu tượng có đặc tính biểu thị sự vật qua hình ảnh, có tính đại diện và khơi gợi sự liên tưởng, có tính ước lệ, có mã (kí hiệu), biểu hiện giá trị nhân văn. Chức năng của biểu tượng là thay thế cho đối tượng hiện thực và ý niệm của con người, chức năng liên kết, dự báo, thông tin... Nếu đời sống có những biểu tượng văn hoá thì trong nghệ thuật có hình tượng nghệ thuật. Hình tượng nghệ thuật có tính đại diện cao và ổn định còn biểu tượng văn hoá có tính ước

lệ và biến động. Biểu tượng nghệ thuật trở nên chân thực và cũng có tính biểu trưng phi hiện thực và khó nắm bắt. Do đó, những biểu tượng nghệ thuật có tính ước lệ, ẩn dụ nhằm đề cập những giá trị hay tư tưởng nào đó của tác giả nên không đóng khung mà phát triển hơn so với nghĩa gốc.

Đối với văn học, biểu tượng là dạng kí hiệu đặc biệt bằng ngôn ngữ, chuyển tải nội dung của tác phẩm theo dụng ý của nhà văn. Có hai loại biểu tượng thường được tồn tại trong văn học: biểu tượng được nhà văn sáng tạo nên và hoàn toàn mới xuất hiện trong tác phẩm; biểu tượng văn hoá có sẵn được nhà văn đưa vào trong tác phẩm để trở thành biểu tượng nghệ thuật. Những biểu tượng văn hoá trong tác phẩm văn học trở thành hình tượng nghệ thuật và được lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ trở thành biểu tượng nghệ thuật. Trong sáng tác, Kawabata cũng có nhiều lần sử dụng biểu tượng văn hoá để làm biểu tượng nghệ thuật như hình ảnh cánh hạc, áo kimono, hoa anh đào, chén uống trà, gương soi...

Như vậy, biểu tượng là một thủ pháp nghệ thuật đặc biệt, được xây dựng bằng kí hiệu ngôn ngữ nhằm đề chuyển tải ý đồ sáng tạo của nhà văn. Thông qua biểu tượng, những giá trị văn hoá ẩn chứa trong tác phẩm được bộc lộ hiệu quả hơn. Chính vì thế, biểu tượng có giá trị văn hoá, giá trị nhân văn và biểu thị cho đặc tính một dân tộc hay nền văn minh. Biểu tượng không đơn thuần mang tính biểu trưng mà còn chứa đựng nhiều cảm xúc, khả năng nghệ thuật của nhà văn. Việc giải mã biểu tượng chính là giải mã nội dung và tư tưởng của tác phẩm.

2.2. Văn hóa Nhật qua các biểu tượng nghệ thuật

Có thể thấy đặc trưng trong các tác phẩm của Kawabata là sử dụng những chất liệu truyền thống quen thuộc để chuyển tải nội dung tác phẩm qua cách làm mới lạ. Nói cách khác, nhà văn muốn tìm kiếm một cảm xúc mới lạ với những hình ảnh thân quen. Với nhãn quan của một người nghệ sĩ chú trọng cảm xúc trong sáng tác, Kawabata có kỹ năng điều luyện trong xây dựng dòng ý thức nhân vật. Ngoài ra, tác phẩm của ông có văn phong mềm mại, tính khơi gợi cao, sự kìm nén cảm xúc và buông lửng trong cái kết. Tác phẩm của nhà văn dường như lỏng lẻo về kết cấu, thậm chí không có cốt truyện rõ rệt nhưng hoàn toàn logic về tâm lí khiến người đọc chìm trong những xúc cảm mãnh liệt về cuộc đời và thế sự. Để đạt được những hiệu ứng thẩm mỹ đó, hệ thống biểu tượng đóng vai trò rất quan trọng, là chất kết dính toàn bộ tác phẩm.

Người phụ nữ chính là hiện thân của cái đẹp, và trong quan niệm của Kawabata cái đẹp chỉ hoàn hảo khi gắn với nỗi buồn. Đẹp và buồn cũng là điểm nổi bật của người phụ nữ trong *Xứ tuyết*. Họ đều là những cô gái trẻ, sinh ra và lớn lên trong những gia đình thiếu vắng, mất mát người thân. Vì thế ấn tượng về những người phụ nữ trong tác phẩm của Kawabata nói chung và trong *Xứ tuyết* đó là cảm giác rất mơ hồ, huyền bí, ám ảnh day dứt trong nỗi cô đơn. Trong họ là sự hài hòa giữa vẻ đẹp văn hóa và vẻ đẹp nữ tính. Ba biểu tượng *geisha*, *kimono*, *gương soi* đều gắn với hình ảnh người phụ nữ, hay nói cách khác nó là hiện thân của người phụ nữ, là biểu tượng thể hiện tính nữ trong sáng tác của Kawabata. Bên cạnh một Yokoyama mang vẻ đẹp của một người chị, người mẹ, luôn lấy việc quan tâm chăm sóc cho người khác làm nguồn vui hạnh phúc, là một Komako sẵn sàng hi sinh bản thân làm *geisha* chuyên nghiệp lấy tiền chữa bệnh cho con trai bà giáo dạy nhạc để trả ơn. Kawabata qua hai nhân vật phụ nữ để làm nổi bật vẻ đẹp thiên tính nữ: trong sâu thẳm tâm hồn người phụ nữ, từ bản năng và thiên tính nữ họ đều khao khát một mái ấm gia đình để được làm vợ, làm mẹ, để được yêu thương, được hi sinh và đem lại hạnh phúc cho mọi người.

Biểu tượng văn hoá này mang những sắc màu riêng của dân tộc và con người Nhật Bản. Những hình ảnh mang tính đại diện văn hóa khi vào tác phẩm văn học đều có thể trở thành hình tượng nghệ thuật mang trong mình những quan niệm sống, chứa đựng trải nghiệm cuộc đời và triết lí nhân sinh sâu sắc.

Trước hết, những hình tượng nghệ thuật này mang tính ước lệ, phản ánh chân thực và đầy đủ về cuộc sống, con người và văn hóa của người Nhật Bản. Ngoài ra, nó còn mang tính đa nghĩa, trở thành một tín hiệu đặc biệt chứa đựng những thông điệp về con người và cuộc sống. Bởi vậy, khi tiếp nhận tác phẩm, độc giả có cách nhìn, cách lí giải ở nhiều góc độ khác nhau. Biểu tượng có bao hàm nhiều tầng ý nghĩa mà độc giả là người đồng sáng tạo nghĩa bên cạnh nhà văn.

Từ góc nhìn văn hóa cho đến dân tộc tính của người Nhật, có thể thấy vẻ đẹp nữ tính là đặc trưng của người Nhật khi hình ảnh hoa anh đào và thanh bảo kiếm đặt cạnh nhau để nói đến vẻ đẹp tâm hồn của người Nhật và tính cách của họ. Nhìn từ cảm quan thẩm mỹ, tính nữ là đặc trưng của cái đẹp nói chung và vẻ đẹp nữ giới nói riêng. Tính nữ thường gắn với phái đẹp và bản thân cái đẹp cũng hiện lên sâu sắc từ vẻ đẹp của nữ giới. Tính nữ được biểu hiện qua hai phương diện như vẻ đẹp bên ngoài và vẻ đẹp bên trong tâm hồn của con người. Người Nhật chú trọng vẻ đẹp của thể giới bên trong tâm hồn con người hơn. Vẻ đẹp ngoại hình chỉ là những nét chấm phá và tô điểm cho nội dung bên trong của chủ thể cảm xúc.

Hầu hết các tác phẩm của Kawabata được sáng tác trong cảm xúc đặc biệt và được gắn kết bởi những hình ảnh mang tính biểu trưng cao. Dường như cốt truyện không được xây dựng nhưng dòng cảm xúc đặc biệt ấy được kết nối bởi những biểu tượng có tính liên kết chặt chẽ làm nên nội dung tác phẩm và phản ánh tư tưởng của nhà văn. Trong *Xứ Tuyết*, hình ảnh mang đặc tính tính nữ đã trở thành những biểu tượng tập trung xuyên suốt tác phẩm như *geisha*, *kimono*, *gương soi*.

2.2.1. Biểu tượng Geisha

Truyền thống văn hóa Nhật Bản thể hiện sự tôn thờ của người Nhật về cái đẹp. Trong đó, *geisha* là một biểu tượng của cái đẹp nữ tính trong văn hóa Nhật Bản. Chữ *geisha* (hán tự là kỹ giả, tức là người nghệ sĩ) nguyên gốc chỉ những người thổi sáo hay đánh trống mua vui ở những xóm ăn chơi vào thế kỉ XVII. Ban đầu *geisha* được biết đến với hình ảnh của nam *geisha* và mãi đến thế kỉ XVIII, nữ *geisha* mới xuất hiện. Nhưng vẻ đẹp đặc biệt của tính nữ dường như đã khiến cho hình tượng nữ *geisha* trở nên lấn át và trở thành biểu tượng cho vẻ đẹp văn hóa, ẩn chứa cái đẹp Nhật Bản.

Trước hết, *geisha* là một biểu tượng của vẻ đẹp người phụ nữ, với người Nhật, *geisha* là những nghệ sĩ thực thụ với khả năng đàn hát, múa và kĩ năng trò chuyện với khách. Komako là một *geisha* đặc biệt chỉ có thể tìm thấy ở nơi hoang sơ, trong trời của xứ tuyết phương Bắc Nhật Bản qua cách nhìn và sự cảm nhận khách quan của chàng “lữ khách” Shimamura.

Vẻ đẹp Komako có sức quyến rũ bởi sự khỏe mạnh, đầy đặn của bộ ngực, đôi vai mảnh dẻ, sống mũi cao thanh tú, hàng lông mày rậm, cong và mượt như tơ, đôi môi đỏ mọng, nồng nàn sống động. Tất cả toát lên sự tươi mát, thanh khiết đến mức Shimamura đã phải sững sờ, cảm thấy như lạc trong ảo ảnh ngay từ lần gặp đầu tiên: “cô gái gây cho Shimamura một cảm giác tuyệt vời bởi sự sạch sẽ và tươi mát của cô,... anh tự hỏi sự tinh khiết ấy chỉ là ảo ảnh vì mắt anh hãy còn bị chói bởi ánh sáng rực rỡ của mùa xuân vừa chớm đến vùng núi” [12; 231]. Vẻ đẹp của nàng Komako luôn khiến Shimamura khao khát khi ở gần, đó là những ham muốn nhục dục về thể xác “Komako gắn bó với anh khá mãnh liệt với vẻ tươi tắn của tâm hồn và sự cuồng nhiệt gợi cảm của thể xác cô” [12; 324]. Nhưng khi xa cách, hình bóng của nàng lại trở nên nhạt nhòa ngay trong kí ức, Shimamura cảm giác như nàng đã biến mất, chưa từng xuất hiện hoặc lẩn tránh khỏi trí nhớ của anh. Mặc dù vậy, trong kí ức của Shimamura, Komako vẫn là người con gái hồn nhiên, chất phác, giàu nghị lực. Anh ngạc nhiên, cảm kích bởi sự ham học hỏi và tài năng đàn hát của nàng, đặc biệt là khả năng chơi đàn *Samisen* của Komako đã khiến chàng kinh ngạc, tiếng đàn của nàng cất lên khiến Shimamura “cảm thấy như bị nhiễm điện, anh rung mình nổi da gà lên đến tận má, tưởng như những nốt nhạc đầu tiên đã khoét một cái hốc trong ruột gan anh, tạo ở đó một khoảng trống cho tiếng đàn tinh khiết và trong sáng ngân vang. Đó là một

cái gì cao hơn sự ngạc nhiên, đó là sự sững sờ như anh bị một cú đòn giáng trúng đầu. Bị cuốn theo một cảm giác gần như sùng kính... [12; 268]. Shimamura từ kinh ngạc đến ngưỡng mộ khâm phục nghị lực của Komako, vì chàng biết không phải dễ gì để học được đàn Samisen trong khi Komako thậm chí còn tự học giữa một vùng núi cao sương tuyết. Tiếng đàn tuyệt diệu của cô chính là minh chứng cho ý chí và nghị lực phi thường. Thực tế, những geisha như Komako là những người gắn bó nhất với văn hóa truyền thống Nhật Bản. Họ khoác lên mình bộ trang phục kimono cổ truyền, hát múa như một nghệ sĩ tài ba đậm vẻ đẹp nữ. Komako còn chinh phục được Shimamura bằng chính sự hồn nhiên, dịu dàng, chân thành và đáng yêu: “tên Shimamura cứ được cô viết đi viết lại không thôi... cô nhìn theo anh như không thể cưỡng lại bản thân, mặc dù mắt cô ngưng nghịu sụp xuống đầy khó nhọc” [12; 254]. Nàng muốn dành tình cảm chân thành với người con trai với khát vọng được yêu thương trong sáng ở Komako.

Vẻ đẹp nữ tính của cô gái còn thể hiện qua nỗi buồn về thân phận. Hình ảnh người phụ nữ bơ vơ và sống tha hương. Komako luôn nhận thức rất rõ thân phận của một geisha có cuộc sống cũng bấp bênh, tạm bợ, phải tiếp đón nhiều khách đến. Vì vậy, khi gặp gỡ và yêu Shimamura khiến cô day dứt, giằng xé, bởi Komako biết hạnh phúc đối với cô như một thứ ảo ảnh, xa vời không có thực. Nhưng cô vẫn yêu và khao khát cháy bỏng được dâng hiến, yêu hết mình dù không biết đến ngày mai. Đối với Shimamura dù không có gì chắc chắn nhưng cuối cùng anh vẫn là người mà cô dành trọn vẹn tình yêu. Cô vượt qua ranh giới của một geisha, ranh giới của bản thân mình, đó chính là lòng tự trọng và ý thức giữ gìn danh dự vì đó là tiếng nói của con tim. Cô yêu Shimamura không nghĩ đến sự đáp đền, có cái gì đó thật côicút, tội nghiệp, để đến cuối cùng chỉ còn lại là sự cô đơn. Shimamura hiểu tình yêu của Komako “Cô ấy yêu ta, người phụ nữ này phải lòng ta”, nên trong lòng anh cũng luôn day dứt, tiếc nôi cho một phụ nữ đẹp, tài năng nhưng chôn vùi tuổi xuân nơi thâm sơn cùng cốc. Dù vậy, anh vẫn tin rằng “sự kiên trì của cô dù sao cũng có một nét gì đó tinh khiết. Và cả cuộc đời cô nữa, nhờ vậy cũng được rọi sáng”. Cô gái này đã cảm hóa được tâm hồn Shimamura khiến cho anh tìm thấy niềm hạnh phúc từ vẻ đẹp của người con gái thuần khiết, dung dị và đáng trân trọng. Anh tìm thấy niềm tin rằng, cuộc sống có thống khổ đến đâu vẫn có những niềm hi vọng lấp lánh bởi vẻ đẹp vốn có của nó dù thấp thoáng, mờ ảo nhưng hơn hết cần sự kiếm tìm.

Như vậy, Komako - nàng geisha xinh đẹp và tài năng khiến Shimamura nhận ra cái đẹp đích thực chính trên mảnh đất xa xôi, hoang lạnh, nguyên sơ nhưng ấm áp bởi tình cảm yêu thương của con người. Vẻ đẹp nữ tính mới thực sự là ánh sáng hồi sinh, thức tỉnh con người để biết yêu thương và trân trọng hơn những giá trị cao đẹp trong cuộc sống.

2.2.2. Biểu tượng Kimono

Theo tiếng Nhật, kimono nghĩa là trang phục, cùng với thời gian và sự thay đổi nó đã trở thành tên riêng cho loại trang phục truyền thống Nhật Bản, một biểu tượng không thể thiếu của nước Nhật. Màu sắc của trang phục kimono Nhật Bản truyền thống thường để biểu thị cho các mùa trong năm, mỗi một tầng lớp trong xã hội cũng có một loại màu áo kimono riêng. Áo kimono cho phụ nữ thường có các họa tiết hoa, lá và các biểu tượng thiên nhiên khác, phản ánh tình yêu thiên nhiên của người Nhật Bản. Tùy theo tuổi tác của người mặc mà màu sắc được chú ý rất nghiêm ngặt, những màu có gốc sáng, đặc biệt là màu đỏ, được dùng cho trẻ em và phụ nữ trẻ chưa chồng. Đối với người dân thường, khi mặc kimono vào các dịp lễ tết, họ phải đeo một mảnh vải nhỏ có trang trí con dấu riêng của gia đình ở tay áo. Nói đến đất nước Phù Tang, người ta nghĩ ngay đến xứ sở của hoa anh đào và áo kimono. Kimono mãi vẫn là niềm tự hào của người Nhật.

Kimono trở thành biểu tượng cho người phụ nữ truyền thống Nhật Bản, bởi một chiếc kimono chỉ thực sự đẹp khi đi kèm với các chi tiết gắn liền với người phụ nữ, đó là vành khăn cuốn chặt vào người cùng dây đai to bản (gọi là obi), là guốc gỗ và mang bít tất màu trắng... Đặc biệt trong sáng tác của Kawabata, cái đẹp truyền thống luôn được đề cao, đó là cái đẹp

thường ngày, giản dị hài hòa với thiên nhiên. Do vậy, những nhân vật người phụ nữ luôn chọn cho mình những chiếc kimono không quá cầu kì sắc sỡ. Đối với người Nhật, một chiếc kimono là một tác phẩm nghệ thuật, nó chính là sáng tạo độc đáo và tinh tế của những người nghệ sĩ. Nàng geisha Komako trong *Xứ tuyết* đẹp nhất và quyến rũ nhất khi phô diễn vẻ đẹp cơ thể và những thao tác cử chỉ trong từng điệu múa làm tôn lên vẻ đẹp tao nhã khi choàng lên cơ thể bộ trang phục truyền thống kimono. Đặc biệt, chiếc tay áo may rộng tới gối của kimono là một điểm mạnh, làm tăng sự quyến rũ khi rót trà, đàn hát mà vô tình để lộ được làn da trắng mượt của mình: “Khi Komako giơ cánh tay lên phía trên cửa xe mà cô đã bám vào, ống tay áo kimono của cô kéo lên tận khuỷu, lộ ra màu đỏ gấc của tấm áo lót, chiếu rõ lên tấm kính đóng chặt, chính nó đã sưởi ấm trái tim Shimamura vượt qua cơn gió lạnh” [11; 329]. Sự ấm áp mà Shimamura cảm nhận được chính là nhờ chiếc kimono của Komako mang lại. Không những thế, sức gợi tình của kimono còn thể hiện ở phần hông, cổ khi người phụ nữ khoác chiếc áo trên người. Điều này lí giải vì sao Shimamura luôn có ấn tượng mạnh mỗi khi nhìn thấy Komako: “Vì cô cúi người về phía trước, đầu nghiêng một chút và vươn thẳng nên anh có thể trông thấy lưng cô đỏ ửng dưới áo kimono hơi hở ra. Gáy cô và làn da ở đó trông thật kêu gọi... trong cơn thèm khát rạo rực cháy bỏng anh tưởng như cô khỏa thân trước mặt anh” [12; 246].

Với phụ nữ Nhật, có lẽ chỉ có geisha là đẹp nhất trong bộ kimono. Họ là những nghệ sĩ thực thụ, am hiểu văn hóa truyền thống, được rèn giũa từng cử chỉ thao tác di chuyển để làm nổi bật lên vẻ đẹp của trang phục và cơ thể mình. Komako dù không qua trường lớp nhưng ý thức trách nhiệm với công việc nên luôn tự rèn luyện, học tập không ngừng. Vì vậy, vẻ đẹp văn hóa truyền thống Nhật Bản được cô phô bày một cách sinh động nhất trong bộ kimono độc đáo của dân tộc.

Kimono và sự uyển chuyển tinh tế của người mặc chính là biểu tượng cho chính thể của vẻ đẹp nữ tính, mang lại sự quyến rũ tự nhiên. Chính vì vậy, Shimamura luôn cảm thấy sức hút mãnh liệt của nàng sau làn vải kimono. Cũng có khi nàng cúi gập người, giấu mặt trong đôi bàn tay, cái nhìn của Shimamura ngừng trên bộ kimono “với những hoa văn màu rất sáng, được biến hóa thành chiếc áo ngủ và được thắt bởi một dải thắt lưng rất nhỏ dành cho đồ lót... miếng vải đen quảng trên cổ cổ giấu chiếc kimono ở bên dưới, nhờ chất rượu da thịt cô đỏ rực đến tận bàn chân trần, mà cô tìm cách che giấu với sự duyên dáng và hơi kêu gọi” [11; 303]. Có thể thấy, vẻ đẹp của cơ thể Komako trở nên cuốn hút, quyến rũ chính nhờ vẻ “gợi tình” của trang phục kimono cùng chiếc thắt lưng nhỏ. Kimono đi đôi với cơ thể geisha như một chinh thể, tôn lên vẻ đẹp nữ tính của người phụ nữ Nhật. Vì vậy, kimono chính là chiếc áo của tâm hồn Nhật Bản. Đó là vẻ đẹp cô đọng nhất mang đậm giá trị văn hóa dân tộc hàng trăm năm mà người nghệ sĩ tài năng đã đúc kết và tái sinh trong văn học.

2.2.3. Biểu tượng gương soi

Gương soi là một biểu tượng xuyên suốt trong nhiều tác phẩm của Kawabata với những hiện thân khá đa dạng, phong phú. Trong tiếng Nhật, gương là Kagami, biểu trưng cho trí tuệ cùng với hai bảo vật khác là thanh gươm biểu trưng cho sức mạnh uy quyền và ngọc biểu trưng cho vẻ đẹp, lòng nhân từ đã trở thành hình ảnh của Hoàng gia. Chiếc gương gắn với truyền thuyết về nữ thần mặt trời Amaterasu, như sứ giả đã mang ánh sáng của thần linh đến với thế gian và đem lại sự sống trên mặt đất. Gương thực chất là một bề mặt phẳng có tính phản chiếu, có thể là mặt hồ phẳng lặng, cửa kính toa tàu, giọt sương trên lá, đôi mắt... hình ảnh mà chúng ta nhìn thấy trong gương là hình ảnh ảo, khi ánh sáng phản chiếu vào gương bị khúc xạ và đem đến thị giác của con người hình ảnh giống với hình ảnh thật. “Ở Nhật Bản, Kagami, hay gương là một biểu tượng của tính trong sáng hoàn hảo không một vết nhơ của tâm hồn và trí tuệ, của sự tự phản chiếu mình vào ý thức và lương tâm” [13; 372]. Chiếc gương trong tiểu thuyết của Kawabata không chỉ mang sứ mệnh là soi chiếu, phản ánh sự vật mà quan trọng hơn nó là chiếc gương của tâm hồn người đến gần với nhau, cũng như đến gần với cái đẹp hơn. Chiếc gương

giúp mỗi người tự nhận thấy giá trị, tự soi chiếu bản thân và mở ra không gian đa chiều với những cảm nhận về vũ trụ, về con người.

Chiếc gương là công cụ để hiểu thêm về nhân vật Yoko thông qua điểm nhìn và cảm nhận của Shimamura. Đôi mắt “đăm đăm của nàng với hai hàng mi sững lặng” được cảm nhận trong cái giây phút Shimamura “giơ thẳng một ngón tay, anh vạch nhanh một đường trên cửa sổ mờ hơi nước thì bỗng thấy ở đó xuất hiện một con mắt phụ nữ...” [12; 224]. Những đặc điểm ngoại hình của Yoko được miêu tả sau đó đều gắn với những cảm nhận khách quan của Shimamura: “gương mặt đó có vẻ phi thực và nếu vậy thì cũng phải trong suốt; một khuôn mặt đầy nữ tính và tuổi trẻ; gương mặt xinh đẹp cảm động ấy” [12; 226]. Chiếc gương với tất cả những biểu tượng khác cùng hệ thống với nó như tấm kính cửa sổ toa tàu, tuyết trắng, hay dải ngân hà đẹp một cách ma quái trong tiểu thuyết này đều là biểu tượng gắn liền với việc thể hiện vẻ đẹp nữ tính trong tác phẩm. Con tàu vượt qua đường hầm xuyên bóng đêm như qua một tấm gương để đến xứ tuyết trắng, dường như Shimamura từ thế giới của hiện thực để tìm đến thế giới của mộng ảo soi trên gương tuyết. Tất cả những gì của thế giới cổ tích ảo mộng hiện ra dưới con mắt của chàng: tấm biển phòng trà cũ rích sạm màu thời gian, chiếc mặt nạ cổ xưa, hay cỗ xe đã một thế kỉ và đặc biệt là hình ảnh người phụ nữ cũng mờ ảo nơi sương tuyết và huyền ảo từ tấm kính cửa sổ toa tàu.

Có thể thấy Komako và Yoko đều là hai người phụ nữ mà Shimamura yêu mến, ngưỡng mộ thầm kín. Nàng Yoko như một thứ ảo ảnh trên mặt gương soi. Shimamura ngắm nhìn nàng và cảm nhận được sự dịu dàng ấm áp trong tâm hồn qua từng cử chỉ yêu thương chăm sóc người đàn ông ốm đau đi cùng nàng trên chuyến tàu về Xứ tuyết. Vẻ đẹp thuần khiết, quyến rũ, nồng ấm của Yoko làm cho Shimamura không hề cảm thấy trắc ẩn đối với cảnh ốm đau bệnh tật, mà cảm giác như một thứ ảo ảnh trong giấc mơ trên nền phong cảnh ban đêm. Còn với Komako, nổi bật với đôi má rục hồng được tuyết làm nền, dường như nàng là hiện thực trong thế giới của Shimamura, luôn hấp dẫn và đầy khêu gợi. Vẻ đẹp của nàng thường đẩy lên trong Shimamura những ham muốn có tính bản năng, những khát khao nhục cảm. Trong cùng một chuyến đi đến xứ tuyết, tấm gương với chu trình khép và mở đã đón Shimamura với Yoko trong nền cảnh đêm và đưa anh đi với Komako trên nền tuyết trắng. Hai người phụ nữ với hai thời điểm phản chiếu bóng mình trong gương đã khiến Shimamura luôn dằng dứt giữa hai thế giới hiện thực và ảo mộng. Vì say đắm Komako nên trong anh luôn hiện diện thứ ánh sáng diệu kì lóe lên bởi ánh mắt của Yoko. Vẻ đẹp thanh cao thánh thiện nhưng có phần xa cách, không thể với tới được của Yoko luôn khiến Shimamura khao khát trong giấc mơ thầm kín của mình. Dường như có một khoảng cách vô hình giữa họ nên càng trở nên thánh thiện và cuốn hút. Chính sự dịu dàng, cao khiết trong tâm hồn Yoko trở thành tấm gương soi chiếu những tâm tư, uẩn khúc trong đáy sâu tâm hồn Shimamura. Khi chứng kiến cái chết của Yoko phản chiếu trên lửa đỏ và dải ngân hà lỏng lánh, Shimamura dường như đã thức tỉnh, nhận ra cái khắc nghiệt của hiện thực, nhận ra bản chất của cái đẹp. Shimamura cũng nhận ra giá trị của chính mình, chàng tìm thấy mình trên vùng đất trong trẻo thánh thiện nhờ được soi chiếu bởi tấm gương lớn của thiên nhiên và vẻ đẹp tâm hồn của những người phụ nữ trong cuộc hành trình tìm kiếm cái đẹp của mình. Đó là sự thức tỉnh không dễ dàng, phải trải qua nhiều đau đớn, giằng xé, ám ảnh và cả những lầm lỗi, để rồi chàng bước ra khỏi *Xứ tuyết* không còn vương vấn, không còn nhìn lại lần nào nữa trong đời.

3. Kết luận

Việc tiếp cận tác phẩm *Xứ tuyết* của Kawabata từ biểu tượng có thể khám phá chiều sâu của vẻ đẹp văn hóa truyền thống Nhật Bản. Từ các biểu tượng *gheisha*, *kimono* và *chiếc gương soi* đã cho thấy niềm tự hào của người dân xứ sở hoa anh đào về nền văn hoá đặc sắc của họ. Từ những mẫu gốc có sẵn, nhà văn đã xây dựng thành những biểu tượng nghệ thuật sống động,

mang đậm tư tưởng của nhà văn. Thông qua tính ước lệ và đa nghĩa đã làm nên trường liên tưởng phong phú giúp biểu tượng hình thành lớp nghĩa mới và giàu biểu cảm.

Có thể thấy, trong tác phẩm nhà văn đặc biệt chú trọng vào nhân vật nữ giới Komako và Yoko thông qua lăng kính của nam giới chàng Shimamura. Sự cảm nhận về phụ nữ của một người đàn ông càng khẳng định yếu tố nữ có sự cuốn hút mãnh liệt, toát lên vẻ đẹp riêng. Vẻ đẹp trong sự cảm nhận trở nên đầy xúc cảm thăng hoa, từ nhục cảm bản năng đến sự cảm hóa sâu sắc mang đến một vẻ đẹp cao khiết, vẻ đẹp tâm linh như con người đang hướng đến một miền sáng của tâm hồn mà bấy lâu nay chưa tìm thấy được bởi cuộc sống vốn thống khổ bởi những nỗi buồn. Không chỉ trân trọng và nâng niu cái đẹp với thái độ sống tích cực, hướng thiện nhà văn còn hướng người đọc đến sự chủ động kiếm tìm vẻ đẹp chìm sâu trong tâm hồn của mỗi con người mà không phải ai cũng cảm nhận được.

Dưới sự ảnh hưởng của quan niệm thẩm mỹ Heian, Kawabata đã tiếp thu trọn vẹn tinh thần *aware* khi thông qua hệ thống biểu tượng để xây dựng vẻ đẹp đầy nữ tính: vẻ đẹp đi liền với nỗi buồn trong tâm hồn của con người. Cội nguồn của tính nữ này có thể bắt nguồn từ những triết lý tôn giáo và văn hóa Nhật ngàn đời. Trong đó, yếu tố Thiên tông và dòng văn học nữ lưu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất. Những xúc cảm trầm buồn truyền thống gặp gỡ với cảm giác mới của thế hệ thanh niên trí thức thời hậu chiến đã thăng hoa trong “dòng ý thức” phương Tây. Tác phẩm mang lại hiệu ứng thẩm mỹ cao, sự thành công trong biểu hiệu tư tưởng của nhà văn. Cuộc sống này đang đau khổ và bế tắc đến cùng cực nhưng biết hướng đến và đi tìm thì đâu đó vẫn có nguồn sáng cho con người dõi theo và sống tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nhật Chiêu, 2000. Thế giới Kawabata (hay là cái đẹp: Hình và bóng). *Tạp chí Văn học*, số 3, tr.85-92.
- [2] Nhật Chiêu, 1991. Kawabata người cứu rồi cái đẹp, trong *Yasunary Kawabata – tuyển tập tác phẩm*. Nxb Lao động, Hà Nội, tr.1090-1107.
- [3] Đoàn Lê Giang, 2000. Kawabata – Cái đẹp truyền thống qua thấu kính hiện đại. *Tạp chí Văn*, số 101, tr.87.
- [4] Đào Thị Thu Hằng, 2004. “Yasunary Kawabata giữa dòng chảy Đông Tây”, *Yasunary Kawabata – tuyển tập tác phẩm*. Nxb Lao động, Hà Nội, tr.1090-1107.
- [5] Nguyễn Thị Mai Liên, 2005. Yasunary Kawabata – Lữ khách muôn đời đi tìm cái đẹp. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 7, tr.74-86.
- [6] Trần Lê Bảo, 2010. Giải mã tác phẩm "Người đẹp say ngủ" của Y.Kawabata (Từ chủ đề cứu thế). *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 3, tr.51-62.
- [7] Trần Tổ Loan, 2006. Cái đẹp truyền thống Nhật Bản trong sáng tác của Y. Kawabata. *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 1, tr. 67-71.
- [8] Trần Tổ Loan (2010), *Biểu tượng tiêu biểu trong tiểu thuyết Kawabata Yasunary*. Tham luận tại Hội thảo Quốc gia về Kawabata. Nguồn: vanvn.net.
- [9] Lê Nguyên Cẩn, 2006. Tính văn hóa của tác phẩm văn học. *Tạp chí Khoa học ĐHSP Hà Nội*, số 2, tr. 3-7.
- [10] Lê Nguyên Cẩn, 2014. *Tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hóa*. Nxb Đại học Quốc gia, HN.
- [11] Viện ngôn ngữ học, 2002. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học Hà Nội.
- [12] Yasunary Kawabata, 2005. *Tuyển tập tác phẩm*. Nxb Lao động Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.

- [13] A. Gheerbrant, Jean Chevalier, 1997. *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*. Phạm Vĩnh Cư, Nguyễn Xuân Giao, Lưu Huy Khánh, Nguyễn Ngọc, Vũ Đình Đình, Nguyễn Văn Vỹ (dịch). Nxb Đà Nẵng.

ABSTRACT

Decrypting Japanese culture through symboys in *Snow country* by Kawabata Yasunari

Nguyen Thi Thanh Nga

Faculty of Social Science, Hong Duc University

Kawabata is one of most outstanding authors who has significantly contributed to Japanese literature. In his writings, he reflected the realistic life and human by his unique styles. Using symbols to direct character's mood and to maintain the writing's entire structure is a typical way that used in most of Kawabata's works, especially in the novel of *Snow Country*. Based on cultural approaching and decryption of symbols such as geisha, kimono, mirror (some art symbols that are closely linked), the author elucidated the novel's content and the writer's idea. Then Japanese culture and society are vividly and comprehensively emerged, and Kawabata's appreciation and respect for Japanese traditional beauty is also thoroughly presented.

Keywords: Japanese culture, cultural symbol, *Snow country*, cultural decryption, Kawabata Yasunary.